TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2026
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Kim
- Ông Nguyễn Chí Hữu

- *Thư ký phiên tòa**:*** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ hôn nhân và gia đình án thụ lý số: 359/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lữ Phượng L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Chí C, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2025, trong suốt quá trình tố tụng chị Lữ Phượng L trình bày:

Chị và anh C tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 05/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025 vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đầu quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù, vợ chồng chị đã cố hằn gắn nhưng mọi nổ lực đều không có kết quả, vợ chồng chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Anh Phạm Chí C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2025 của chị Lữ Phượng L đối với anh Phạm Chí C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

Anh Phạm Chí C có nơi cư trú tại xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh Phạm Chí C đến để tham gia

phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do, đồng thời trong quá trình tố tụng chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh C là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Lữ Phượng L và anh Phạm Chí C tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2018 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị L và anh C không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Toà thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh C biết để anh đến Toà án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long tham gia hoà giải với chị L nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh C vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh C cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị L. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Lữ Phượng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị Lữ Phượng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị Lữ Phượng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lữ Phượng L có nghĩa vụ chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

- Căn cứ các điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Phượng L đối với anh Phạm Chí C, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Lữ Phượng L và anh Phạm Chí C được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Chị Lữ Phượng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lữ Phượng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lữ Phượng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lữ Phượng L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012929 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Vĩnh Long (1b);
- VKSND Khu vực 6 – Vĩnh Long (2b);
- UBND xã Tân Thành Bình (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm